

PHẠM TRÙ LỄ TRONG GIÁC MƠ CHÍN TẦNG MÂY CỦA KIM MAN JUNG

Lê Phước Như Đăng

Nguyễn Ngọc Thảo Uyên

Nguyễn Thị Hà An

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: Lê Phước Như Đăng – Email: lephuocnhdang0202@gmail.com

(Ngày nhận bài: 24/3/2026, ngày nhận bài chỉnh sửa: 20/4/2026, ngày duyệt đăng: 23/4/2026)

TÓM TẮT

Phạm trù Lễ là khái niệm trung tâm của Nho giáo, có ảnh hưởng sâu rộng đến văn học Đông Á từ trung đại đến cận đại. Nghiên cứu này khảo sát vai trò của Lễ trong “Giấc mơ chín tầng mây” của Kim Man Jung, tập trung vào hai chức năng nổi bật: (1) Lễ như nguyên lí kiến tạo thế giới mộng, và (2) Lễ như đối tượng bị thách thức, phê phán trong hành trình giác ngộ. Qua đó, bài viết làm rõ cách Kim Man Jung sử dụng Lễ để xây dựng trật tự gia đình, xã hội và con đường nhập thế hoàn hảo của nhân vật Dương Thiệu Du – một hình mẫu Nho sĩ lí tưởng. Tuy nhiên, chính sự hoàn hảo, song có phần cứng nhắc của Lễ đã bộc lộ những mâu thuẫn nội tại khi đối diện với khát vọng cá nhân (Tình/Dục) và triết lí Tính Không (Śūnyatā) của Phật giáo. Có thể nói, kết cấu mộng – giác trở thành ẩn dụ cho hành trình từ “mê” (tin vào thực tại của Lễ) đến “ngộ” (thấu suốt bản chất Không). Như vậy, nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ chiều sâu triết học của “Giấc mơ chín tầng mây”, đồng thời lí giải sức hút đặc biệt của tác phẩm trong văn học Triều Tiên và dòng chảy văn học Đông Á.

Từ khóa: Giấc mơ chín tầng mây, Kim Man Jung, Lễ, Nho giáo

1. Đặt vấn đề

Kim Man Jung (hiệu Tây Phố) xuất thân từ một gia đình Nho học danh giá, sớm đỗ đạt và từng đảm nhiệm chức quan trong triều. Tác phẩm nổi bật nhất là *Giấc mơ chín tầng mây*, được sáng tác khoảng năm 1688 trong thời gian ông bị lưu đày ở Tuyên Xuyên. Đây là một tiểu thuyết mộng du tiêu biểu, với cốt truyện xoay quanh cuộc đời vinh hiển của Dương Thiệu Du cùng tám người vợ xinh đẹp. Đến cùng, tất cả chỉ là giấc mộng của nhà sư Tính Chân.

Xuyên suốt cấu trúc mộng – giác của *Giấc mơ chín tầng mây*, phạm trù Lễ xuất hiện một cách nổi bật, biểu trưng cho đạo đức, danh vọng và con đường nhập thế của Nho giáo. Nó được thể hiện rõ nét qua hành trình tề gia – trị quốc – bình thiên hạ mà nhân vật theo đuổi. Vì lẽ đó, Lễ trở thành thước đo đánh giá từ nhị thế lục thiếp đến các nhân vật phụ trợ. Đồng thời, Lễ cũng góp phần thúc

đẩy cốt truyện và là nền tảng vận hành toàn bộ thế giới mộng.

Trong bối cảnh Nho giáo (đặc biệt Tông Nho của Chu Hy) thống trị tư tưởng Joseon thế kỉ XVII, Lễ được biểu hiện qua nguyên tắc tề gia – trị quốc. Song, nó cũng phải đối mặt với thực tiễn xã hội rối ren và ảnh hưởng của Phật giáo. Có thể nói, tác phẩm *Giấc mơ chín tầng mây* đã phản ánh rõ sự đấu tranh và hợp nhất giữa hai phạm trù Lễ – Không, hay rộng hơn là Nho giáo và Phật giáo.

Từ thực tế ấy, nghiên cứu đặt ra giả thiết: Trong *Giấc mơ chín tầng mây*, Lễ không chỉ là hệ thống quy phạm đạo đức – xã hội mà còn là chất liệu kiến tạo nên “giấc mộng” trần thế xa hoa, phồn vinh nhưng cũng đầy bi kịch của nhân vật chính. Dù vận hành hoàn hảo, Lễ vẫn tiềm ẩn những xung đột giữa khuôn phép và khát vọng cá nhân, giữa danh vọng và sự trống rỗng, cuối cùng dẫn đến câu hỏi lớn về ý nghĩa đích thực của sự tồn tại. Tác

phẩm là cuộc đối thoại sâu sắc giữa khát vọng xây dựng trật tự lí tưởng (Lẽ) và nhu cầu giải thoát khỏi chính trật tự ấy.

2. Tổng quan nghiên cứu

Hiện nay, có nhiều hướng nghiên cứu xoay quanh tác phẩm. Hướng thứ nhất là nghiên cứu lịch sử xuất bản bởi *Giấc mơ chín tầng mây* có nhiều dị bản cả về ngôn ngữ (tiếng Hangul và tiếng Hán) lẫn hình thức xuất bản (bản khắc gỗ, bản chép tay và bản in). Tác giả Lee Suk Yoon (2020) tập trung làm rõ thời điểm sáng tác và phân tích văn bản chữ Hagul. Tác giả Shin Cheol Woo (2022) tìm hiểu ngôn ngữ sáng tác *Giấc mơ chín tầng mây* trong nghiên cứu “The Language and Style of *The Nine Cloud Dream* (Kunmong)”. Tác giả cho rằng phong cách Gasa trong tác phẩm là sự kết hợp giữa “phong cách viết chữ Hangul” và “phong cách viết chữ Hán”.

Hướng thứ hai là so sánh *Giấc mơ chín tầng mây* với các tác phẩm văn học khác như *Hồng lâu mộng*, *Tây du ký* (Trung Quốc), vở kịch *Life is a Dream* (Tây Ban Nha) và cả *Truyện Kiều* (Việt Nam). Chẳng hạn, tác giả Choi Yoo Hak (2013) trong bài báo “The Comparative Research on *The Cloud Dream of the Nine* and *Journey to the West*” đã so sánh *Giấc mơ chín tầng mây* với *Tây du ký*. Hay tác giả Spencer (2023) đã chỉ ra sự tương đồng và dị biệt của xung lực phi thực tế trong tác phẩm của Kim Man Jung với truyện Kiều trong bài viết “An Impossible Dream and Nightly Quests: The Quixotic Impulse in Kim Man-jung’s *Kunmong* and Nguyễn Du’s *Truyện Kiều*”.

Hướng nghiên cứu thứ ba quan tâm đến cấu trúc tự sự. Nhà nghiên cứu Chang Sik Yun (1981) trong bài báo “The Structure of the *Kun mong* [A Dream of Nine Clouds]” đã khẳng định vai trò quan trọng của thủ pháp xây dựng cấu trúc giấc mơ. Tác giả Kim Byung Kuk (2023) thì phân tích thủ pháp tự sự như kết cấu đa

tầng, phục tuyến (foreshadowment) và vòng luân hồi (eternal cycle of birth).

Hướng nghiên cứu thứ tư quan tâm đến sự ảnh hưởng của Tam giáo (Nho – Phật – Đạo). Năm 1996, trong cuốn sách *Embracing Illusion: Truth and Fiction in The Dream of the Nine Clouds*, tác giả Francisca Cho đã xem xét *Giấc mơ chín tầng mây* như một diễn ngôn triết học Phật giáo. Năm 2009, tác giả Lee Kang Ok (2009) phân tích giấc mơ thông qua hệ thống khái niệm Phật học như mộng quán, mộng nhãn hay như huyền nhãn trong bố nghiên cứu “A Study on the Dream Experience and Theme of *Kuwoonmong*”. Tác giả Lee Jung Gon (2023) trong bài báo “A Interdisciplinary Research on Guunmong that Revives a Transcendent and Peaceful King’s Heart” đã làm rõ mục đích viết của Kim Man Jung (liệu *Giấc mơ chín tầng mây* có được viết nhằm mục đích hướng vua Túc Tông tới con đường giác ngộ hay không?). Bên cạnh đó, tác giả cũng nỗ lực phân tích sự ảnh hưởng của bối cảnh sáng tác và tư tưởng Đạo giáo được thể hiện trong tác phẩm. Tác giả Seol Seong Gyeong (2002) đã chỉ ra dấu ấn của cả Nho giáo và Phật giáo trong văn bản. Nhà nghiên cứu cho rằng chủ đề Nho giáo trong *Giấc mơ chín tầng mây* nằm ở lòng trung quân của một bề tôi gửi gắm đến nhà vua và nhân dân. Nghiên cứu “The Research on the Relationship between the 8 Articles of ‘Daehak’ and the 8 Celestial Women” của Jung Chigyun (2024) thì tập trung phân tích tám người vợ của Dương Thiệu Du thông qua khái niệm Bát điều mục của Nho học.

Như vậy, các công trình tìm hiểu về *Giấc mơ chín tầng mây* thông qua lăng kính Nho giáo tuy có nhưng chưa nhiều. Đặc biệt, nhóm tác giả nhận thấy khoảng trống nghiên cứu trong việc phân tích cụ thể yếu tố Lễ như nền tảng vận hành thế giới mộng. Tương tự, các nghiên cứu

trước đó cũng chưa sử dụng cụ thể khái niệm Tính Không của Phật giáo để soi chiếu vào văn bản. Vì thế, tính mới của bài báo này thể hiện ở việc mang đến cách đọc động về Lễ và xem xét sự hợp nhất hai thể giới mộng – thực cuối tác phẩm hình thành từ sự khủng hoảng của Lễ trước Tình và Không.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu phạm trù Lễ trong *Giác mơ chín tầng mây*, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp liên ngành: đặt tác phẩm vào lăng kính Nho học và Phật học; phương pháp phê bình văn hóa để hỗ trợ giải mã phạm trù Lễ của Nho giáo và tư tưởng Phật – Lão trong nội hàm tác phẩm. Quan trọng hơn cả, phương pháp phân tích nội dung được nhóm tác giả sử dụng xuyên suốt để làm rõ ảnh hưởng của hai phạm trù Lễ – Không đến toàn bộ nội dung tác phẩm. Bài viết cũng sử dụng thao tác thu thập, tổng hợp tư liệu trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái niệm Lễ trong Nho giáo

Trong *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu, khái niệm Lễ được định nghĩa trên ba phương diện

(1) lễ, theo cái khuôn mẫu của người đã quy định ra các phép tắc, từ quan, hôn, tang, tế cho đến đi đứng nói năng đều có cái phép nhất định phải như thế gọi là lễ; (2) kính Lễ và (3) đồ lễ, nhân người ta có việc mà đưa vật gì tặng gọi là lễ (Thiều Chửu, 2024, tr. 397).

Các nhà nghiên cứu Trần Đình Hượu, Lại Nguyên Ân trong công trình biên soạn *Các bài giảng của tư tưởng phương Đông* đã chỉ ra sự phát triển của khái niệm Lễ. Ban đầu, Lễ gắn liền với “chuyện ăn uống (cách chia các quyền lợi)” (Trần Đình Hượu & Lại Nguyên Ân, 2020, tr. 21). Sau này, Lễ trở thành những tiêu chuẩn, quy định, cung cách trong việc sinh hoạt, tế lễ. Đến thời nhà

Chu, Lễ gần hơn với chính trị và bắt đầu xa rời tôn giáo. Trong quan niệm của Khổng Tử, “Lễ” có hai phần: “chất” và “văn”. “Chất” tức nội dung biểu hiện của Lễ. Nó bao hàm cả quan niệm tinh thần và đạo nghĩa. Còn văn “là nghi lễ, là nhạc, là văn từ” (dẫn theo Trần Đình Hượu & Lại Nguyên Ân, 2020, tr. 44). Bên cạnh đó, cũng cần phải quan tâm đến mối quan hệ giữa hai phạm trù Lễ – Nhân khi đề cập khái niệm Lễ. Khổng Tử nhấn mạnh Lễ phải xuất phát từ Nhân, nếu không chỉ là hình thức rỗng tuếch: “Nhân nhi bất nhân, như lễ hà? Nhân nhi bất nhân, như nhạc hà?” (“Một người không có lòng nhân sao có thể hành được lễ? Một người không có lòng nhân sao có thể tấu được nhạc?”) (dẫn theo Dương Hồng & cộng sự, 2003, tr.145).

Trong *Lễ ký*, Khổng Tử bàn về mối quan hệ Lễ – Nhạc: “Lễ tiết chế lại lòng người, Nhạc làm ôn hòa lại âm thanh của dân chúng” (Khổng Tử, 1999, tr. 172). Ngoài ra, Người cũng cho rằng: “Nhạc là cùng hòa đồng, Lễ là để phân biệt trật tự khác nhau. Trật tự khác nhau nghĩa là phải tương kính lẫn nhau. Nhạc mà lẫn lút quá thì sẽ xa rời, Lễ mà lẫn lút quá thì sẽ lìa mất” (Khổng Tử, 1999, tr. 172) Như vậy, Lễ chính là tổng hợp các trật tự, nguyên tắc xã hội, gắn bó với Nhân và Nhạc.

Còn trong Nho học Joseon thời kì cuối thế kỉ XVII – đầu XVIII, khái niệm Lễ chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Lí học Chu Hy. Do đó, việc Kim Man Jung sử dụng Lễ để kiến tạo một thể giới mộng hoàn hảo vừa mang ý nghĩa tôn vinh vừa thể hiện sự phê phán nhất định đối với mô hình Nho giáo lí tưởng đương thời.

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ “Lễ” trên ba bình diện chính: (1) Lễ được biểu hiện qua các nghi lễ (hôn lễ, tang lễ, lễ bái...); (2) Lễ được biểu hiện qua các nguyên tắc đạo đức (khắc kỉ phục lễ, nam nữ thụ thụ bất

tương thân); (3) Lễ cấu thành trật tự xã hội (danh phận, tôn ti, quân thần, phụ tử). Sự phân biệt này giúp làm rõ các cấp độ tác động của Lễ đến tác phẩm.

4.2. Khái niệm Tính Không (Sūnyatā) và Không (Sūnya) trong Phật giáo

Bài viết *Tìm hiểu tánh Không* (Đức Đạt-lai Đạt-ma viết, Hoang Phong dịch, 2023) đã lí giải “tánh không (vacuité, emptiness) có nghĩa là không có bất cứ một sự hiện hữu tự chủ nào bên ngoài sự phỏng đoán của tâm thức.” (Hoang Phong, 2013, tr. 93).

Nhà nghiên cứu Nguyễn Tiến Nghi (2015) trong bài báo *Triết lý “tính Không” trong triết học Phật giáo* cho rằng: “[...] Tính Không là một cái không sinh động, tồn tại cùng với nhịp điệu vô tận của sự sinh thành và phân hủy của vạn hữu. Tính Không là Tính Không thực thể của mọi sự vật hiện tượng.” Tác giả phân biệt khái niệm “Không” và “Tính Không” như sau: nếu “Không” thường được hiểu theo nghĩa phủ định với có thì “Tính Không là một lý thuyết triết học cao siêu, thâm diệu về bản thể” (Nguyễn Tiến Nghi, 2015).

Trong nghiên cứu *Một số vấn đề cơ bản của triết học Phật giáo*, hai tác giả Hoàng Trần Thị Thơ và Trần Thị Thúy Ngọc định nghĩa: “Không ở đây không phải là cái trống rỗng, mà là vô lượng các yếu tố đang trong tương tác, quan hệ mà làm nên sự sống sinh động không ngừng biến đổi” (Hoàng Thị Thơ & Trần Thị Thúy Ngọc, 2023, tr. 21).

Như vậy, học thuyết “Tính Không” chỉ ra rằng vạn pháp đều không có tự tính, chúng không tồn tại độc lập, bền vững mà nằm trong mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau dựa trên nguyên lí duyên khởi. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng Không như một nguyên lí phân tích, qua đó khẳng định: (1) Không làm lộ tính quy ước của Lễ; (2) Không khẳng định vạn pháp đều thay đổi, chẳng vĩnh

hằng bất biến và (3) Không góp phần chỉ ra điểm vượt trong cấu trúc mộng – giác.

4.3. Nội dung và cách thể hiện của phạm trù Lễ trong “Giấc mơ chín tầng mây”

4.3.1. Phạm trù Lễ – nền tảng kiến tạo quan hệ gia đình

Phạm trù Lễ được xem như nền tảng kiến tạo trật tự của thế giới mộng. Ở cõi trần gian, Dương Thiệu Du đã sống cuộc đời của một Nho gia điển hình. Chàng lựa chọn nhập thế, tuân theo chuẩn mực đạo đức thông qua con đường tề gia – trị quốc – bình thiên hạ. Hình tượng nhân vật Thiệu Du được xây dựng thông qua hành động, suy nghĩ lẫn cung cách ứng xử và cả quan niệm về con người, cuộc đời. Trước hết, Lễ là yêu cầu và là thước đo cho sự vận động của các mối quan hệ. Vì thế, trong mỗi quan hệ vợ chồng, Lễ cũng là yếu tố quyết định.

Đầu tiên, Lễ được thể hiện qua cơ chế chính danh định phận. Khi phân chia thế thiếp, vì Lan Dương công chúa (Tiêu Hòa) là em gái của vua nên hiển nhiên được giữ vị trí chính thê. Thái hậu cho rằng Tiêu Hòa có “danh phận cao quý thì có lý gì ngang hàng với con gái nhà bình thường?” (Kim Man Jung, 2022, tr. 152). Vấn đề được đặt ra ở đây là chuyện của Lễ và Danh. Vì không chính danh nên Quỳnh Bôi không thể trở thành chính thất của Thiệu Du. Có thể thấy, sự kết nối giữa nhân vật này với nhân vật khác luôn được đặt trong trọng tâm chữ Lễ. Để Quỳnh Bôi trở thành chính thê (như lời hứa của Thiệu Du từ trước đó), Thái hậu phải giải quyết vấn đề danh phận bằng cách nhận nàng làm con nuôi, lấy hiệu Vĩnh Dương và phong làm chị của Lan Dương. Điểm đặc biệt trong *Giấc mơ chín tầng mây* là Lễ không vận hành một cách cứng nhắc mà có sự dung hợp giữa quy tắc và thực tế. Nó trở thành yếu tố điều phối cấu trúc gia đình và xã hội nhằm thỏa mãn hệ thống tôn ti lẫn quan hệ tình cảm. Vì thế, Lễ ở đây không triệt tiêu mong muốn cá

nhân mà góp phần “hợp thức hóa” trật tự Nho giáo đã được định sẵn.

Lễ còn được biểu hiện ở cách ứng xử ngay thẳng, lễ độ. Trong mối quan hệ với Tần Thái Phụng, tư tưởng trọng Lễ của Dương Thiều Du được thể hiện một cách trực tiếp và rõ ràng. Trước hết, bài thơ “Dương liễu từ” chính là biểu hiện của Lễ trị. Nó đại diện cho vật gửi gắm tâm tư, tình cảm. Với Nho gia, khắc kỉ phục Lễ là một yêu cầu quan trọng. Người quân tử không được tỏ lòng riêng một cách trực tiếp mà phải gói ghém hoặc tìm cách giải bày ý nhị. Quan trọng hơn, khi giao tiếp với nhau, họ không viết thư hoặc trực tiếp bày tỏ mà sử dụng thơ ca như một phương tiện giao tiếp. Ngược lại, Tần Thái Phụng hay những nhân vật nữ khác như Quế Thiềm Nguyệt cũng giữ chữ Lễ thông qua cách ứng xử đúng mực và thái độ khiêm tốn, dịu dàng với Thiều Du.

Thêm vào đó, Lễ cũng được phản ánh thông qua quan niệm: “Quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa” và sự tiết chế con người cá nhân. Theo đó, “Hòa nhi bất đồng” tức là đạt được sự hài hòa, thống nhất trong mối quan hệ hoặc công việc chung, nhưng không a dua, không xu nịnh và không đánh mất bản sắc cá nhân (Lý Minh Tuấn, 2010, tr. 327). Trước hết, các nhân vật nữ trong tác phẩm hầu hết đều tuân thủ đúng nguyên tắc tại gia tòng phụ (đối với cha phải kính trọng, phục tùng và hiếu thảo). Nhân vật Trịnh Quỳnh Bôi là một biểu hiện điển hình. Khi còn trong phủ Quan Tư Đồ, nàng hết mực nghe theo lời cha và được nhận xét “Trịnh tiểu thư đọc sách học tập lễ nghi, nhất cử nhất động hợp với lễ giáo” (Kim Man Jung, 2022, tr. 58). Có thể thấy, bát tiên nữ khi trở thành bát thiếp của Dương Thiều Du đều trở thành những người phụ nữ tài hoa và tiết hạnh.

Quan trọng hơn cả, họ cũng thuận theo nguyên tắc xuất giá tòng phụ. Mặc dù có mối quan hệ thân cận, gần gũi,

song tám người vợ đối với Dương Thiều Du đều giữ thái độ tương kính như tân. Đặc biệt, họ luôn khiêm nhường, hỗ trợ chồng trong việc gia đình, không tranh quyền mà luôn giữ hòa khí nội viện. Mối quan hệ giữa các nhân vật nữ trong tác phẩm gần gũi như chị em, song lại hết mực cung kính. Vì thế, ngay cả khi đã kết nghĩa, “sáu người tuy giữ danh phận, không dám xưng chị em, nhưng hai phụ nhân thường xưng chị em, ân ý càng mặn nồng” (Kim Man Jung, 2022, tr. 256). Các nhân vật nữ trong tác phẩm đã thực hiện đúng theo nguyên tắc này, bởi họ cùng hướng đến mục đích xây dựng một gia đình hoàn hảo theo khuôn mẫu Nho giáo. Tuy vậy, mỗi người lại có một tài năng, một tính cách riêng. Vì thế, Lễ ở đây không chỉ là sự phân chia thứ bậc mà là nghệ thuật sắp đặt sự đa dạng vào trong một thể thống nhất. Lễ đã thiết lập một trật tự gia đình lí tưởng. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ Tính Không, sự hoàn hảo này thực chất mang tính chất nhất thời, giả tạm. Nó phản ánh tính chất phi thực tế của thế giới mộng, bởi mọi thực thể vốn dĩ là vô ngã.

Khi Dương Thiều Du cho rằng trong thiên hạ “khí tinh anh của trời đất dồn hết” lên Quế Nương và Tần Nương thì Quế Thiềm Nguyệt phản bác ngay và cho rằng mình vẫn thua kém Kinh Hồng, Ngọc Yến. Đây chính là đức khiêm nhường theo Lễ giáo. Xuyên suốt tác phẩm, nhiều lần các nhân vật nữ thường hay khen tài nhau. Kết cấu này vừa tôn vinh Lễ (hài hòa nội viện) vừa ngầm phản ánh tư tưởng trọng tài – tình của Kim Man Jung. Nhân vật nữ không thụ động mà chủ động góp phần kiến tạo giấc mộng. Một mặt, Lễ là yếu tố duy trì trật tự gia đình. Mặt khác, Lễ cũng khiến các nhân vật nữ phải “khắc kỉ” để tạo nên một gia đình hoàn mĩ. Như vậy, Lễ không chỉ là sự hòa hợp tự nhiên mà còn là kết quả của một quá trình thực hành nghiêm ngặt.

Một điểm đặc biệt trong kết cấu truyện *Giấc mơ chín tầng mây* là nhân vật nữ phía trước có vai trò tạo đà cho sự xuất hiện của nhân vật nữ ở phía sau. Ví dụ, Quế Thiềm Nguyệt giới thiệu Dịch Kinh Hồng và Trịnh Quỳnh Bôi, Thẩm Niễ Yên dặn dò Dương Thiếu Du “đào giếng lấy nước cho ba quân” (Kim Man Jung, 2022, tr. 138) để chàng nằm mộng thấy Bạch Lăng Ba... Dường như cuộc đời của Dương Thiếu Du chính là hành trình đẹp đẽ của cõi nhân sinh, chàng vừa đạt được đỉnh cao trong mối quan hệ xã hội, song cũng có được gia đình hạnh phúc “khác với người phàm trần” (Kim Man Jung, 2022, tr. 256). Trong đó, tác giả không tập trung mô tả con đường quan lộ mà khai thác hành trình đến gần với chữ Dục của nhân vật chính. Ở đó, chàng đã trải qua nhiều thử thách để chinh phục các mỹ nữ. Nhưng những người nữ không phải là vệ tinh xoay quanh Dương Thiếu Du mà họ có hành trình riêng và quá trình phát triển nhất định. Chính kết cấu này vừa thể hiện chữ Lễ, song cũng phản kháng Lễ. Sự phản kháng nằm ở chỗ các nhân vật nữ không thụ động chờ đợi mà chủ động thiết lập các mối quan hệ, đưa yếu tố Tình và Dục lồng ghép vào trong khuôn khổ Lễ.

Không dừng lại ở mối quan hệ nam nữ, chữ Lễ trong tác phẩm còn được thể hiện trong mối quan hệ giữa Dương Thiếu Du với phụ mẫu. Có thể nói, sự thành đạt của nhân vật chính (đỗ trạng nguyên, làm thừa tướng) thực hành triệt để chữ Lễ để đạt đến đỉnh cao vinh quang Nho giáo. Về nội tâm và tư tưởng, quân tử phải lấy lòng nhân làm gốc. Lễ phải xuất phát từ tấm lòng nhân ái chân thành, không phải là sự giả tạo, hình thức. Khổng Tử nói: “Nhân nhi bất nhân, như lễ hà?” (Người không có lòng nhân thì hành Lễ để làm gì?) (Lý Minh Tuấn, 2010, tr. 56). Ngoài ra, họ cũng phải giữ lấy Trung và Thứ. Điều này có nghĩa là kẻ sĩ cần giữ lấy lòng trung thành, hết

mình (Trung) và sự bao dung, suy nghĩ cho người khác (Thứ) là nền tảng tinh thần cho các hành vi hợp Lễ. Xuyên suốt tác phẩm *Giấc mơ chín tầng mây*, nhân vật Dương Thiếu Du luôn nỗ lực thực hiện lấy chữ Nhân làm đầu và sống theo quan niệm Trung Thứ.

Lễ không chỉ là quan niệm đạo đức mà được thể hiện thông qua những hành động cụ thể. Với cha mẹ, Thiếu Du giữ lấy tấm lòng hiếu thảo và hết mực thương yêu. Thế nên, “ba bốn năm trôi qua, nay là Thừa tướng uy nghi, lĩnh án Ngụy quốc công trở về cố hương thăm mẹ” (Kim Man Jung, 2022, tr. 216) khi chàng đã công thành danh toại. Chữ Lễ còn được phản ánh ở chi tiết

Thừa tướng chọn ngày rước mẹ về ở nhà mới vua ban, dẫn Trịnh phu nhân, Lan Dương công chúa, Tàn Thục nhân vào làm lễ nhận con dâu mới, lễ nghi trang trọng uy nghi, Liễu phu nhân vui mừng phấn khởi không thể miêu tả bằng lời (Kim Man Jung, 2022, tr. 216).

Có thể thấy, Dương Thiếu Du không chỉ giữ chữ Lễ trong suy nghĩ mà còn biến chúng thành hành động. Nếu như sự tôn kính, trân trọng Liễu thị thuộc về phạm trù tinh thần thì việc “làm lễ” khẳng định mọi hành động của chàng hầu hết đều tuân theo Lễ. Tuy nhiên, sự hoàn hảo này cũng tiềm ẩn mâu thuẫn nội tại giữa danh phận và tình cảm cá nhân, dẫn đến phản kháng hoang sau.

4.3.2. Phạm trù Lễ – nền tảng kiến tạo quan hệ xã hội

Nếu như Lễ đã kiến tạo nên trật tự viên mãn và hài hòa trong phạm vi “tề gia” thì trên bình diện rộng lớn hơn của “trị quốc, bình thiên hạ”, Lễ tiếp tục đóng vai trò là nguyên lý tổ chức xã hội. Hành trình nhập thế của Dương Thiếu Du, vì thế, là sự song hành giữa thực hành và củng cố Lễ trong mọi quan hệ xã hội, đồng thời đạt đến đỉnh cao vinh

quang nhờ sự vận hành trơn tru của chính trật tự Lễ ấy.

Đầu tiên, Lễ là cơ chế xác lập trách nhiệm đạo đức. Một trong những mối quan hệ xã hội đầu tiên của Dương Thiệu Du là thầy – trò. Với sư phụ, Dương Thiệu Du cũng giữ lấy đạo lí, nhân nghĩa. Khi chia tay đạo nhân ở núi Lam Điền, chàng “trăm lạy cảm tạ đạo nhân, thu xếp cây đàn và tiêu” (Kim Man Jung, 2022, tr. 37). Thái độ của Dương Sinh với thầy dạy không hề hơi hợt, xa cách mà rất lịch sự và khiêm tốn. Vì thế, nhân vật luôn nhớ đến công ơn “đã từng gặp dị nhân, nên có biết sơ qua về âm nhạc” (Kim Man Jung, 2022, tr. 58). Ở đây, hành động “trăm lạy cảm tạ” không chỉ là thủ tục chia tay mà còn là quá trình gánh vác trách nhiệm của một người học trò khi bước vào đời. Điều này phản ánh truyền thống tôn sư trọng đạo trong Nho học Joseon.

Nếu đạo thầy trò là sự tiếp nối của lòng hiếu thảo trên con đường tu thân thì đạo tôi con lại là sự mở rộng của chữ Lễ ra bình diện quốc gia. Do đó, Lễ là nguyên lí vận hành cơ chế chính trị dựa trên mối quan hệ quân – thần. Với Nho gia, “Trung” nghĩa là hết lòng, đặt hết tâm trí vào việc. Vì vậy, trung với vua là dốc hết tâm sức, tài năng để phụng sự vì sự ổn định của quốc gia. Tuy nhiên, trung không phải là a dua hay xu nịnh mà thực chất là thái độ sống hướng đến quốc gia dựa trên đạo nghĩa. Trong văn bản, nhiều lần Dương Thiệu Du phục tùng và thực hiện trách nhiệm của một Nho gia. Trông thấy cảnh “đất nước xảy ra nhiều chuyện, giặc Thổ Phồn đến quấy nhiễu biên cương” (Kim Man Jung, 2022, tr. 99), Dương Thiệu Du liền đưa ra kế sách “hạ chiếu khai dụ” và giúp vua thu phục ba trấn. Khi được thưởng hậu hĩnh, chàng không nhận ngay mà khiêm nhường từ chối: “Nước Yên vẫn chưa phục tùng, thần có lòng nào mà dám nhận mệnh thăng chức? Thần xin được

ban cho một đạo quân, đích thân ra trận lấy cái chết để báo đền ơn nước” (Kim Man Jung, 2022, tr. 100). Có thể nói, Dương Thiệu Du giữ được nguyên tắc cốt lõi là “dĩ đạo sự quân” theo đúng lời Đức Khổng Tử dạy: “Vua sử dụng bề tôi phải theo lễ, bề tôi phụng thờ vua phải theo trung.” (dẫn theo Dương Hồng & cộng sự, 2003, tr.156). Công danh hiển hách của Dương Thiệu Du là minh chứng cho việc Lễ đạt đến đỉnh cao của xã hội Nho giáo. Thế nhưng, trong *Giấc mơ chín tầng mây*, đỉnh cao của Lễ cũng chính là điểm bắt đầu của sự giác ngộ. Việc nhấn mạnh vào sự hoàn mỹ, viên mãn của Lễ ở đây chính là tiền đề để Tính Không phản ánh sự hư ảo của mọi giá trị trần thế ở cuối tác phẩm.

Bên cạnh đó, Lễ còn được thể hiện qua vẻ đẹp trí tính. Ngay từ trong cung cách thường nhật, Dương Thiệu Du cũng giữ được đạo nghĩa và sống ngay thẳng với cương vị Nho gia – bề tôi của mình. Thứ nhất, chàng đã giữ thái độ cung kính, đúng mực trong triều nghi thông qua lễ bái, tấu trình, trang phục, ngôn ngữ đều phải đúng phép tắc. Thiệu Du thể hiện sự tôn trọng địa vị tối cao của quân vương. Lối xưng hô “thần – bệ hạ” phản ánh thái độ nghiêm nghị, trang trọng. Khi trả lời câu hỏi “Thơ của bậc đế vương thì ai là hay nhất, thơ của quần thần thì ai là nhất?” trong buổi bình luận thơ văn, chàng phân tích rõ điểm hay của từng vĩ nhân từng thời. Do vậy, Thiên tử nhận xét: “Nay trăm có được khanh, hà tất phải ước ao Thái Bạch” (Kim Man Jung, 2022, tr. 115-116). Có thể thấy, Lễ của bề tôi không chỉ được thể hiện qua việc trị quốc mà còn nằm ở thái độ, suy nghĩ và hiểu biết văn chương. Chàng đã hướng tới mục đích “nội thánh ngoại vương” – bên trong có đạo đức thánh nhân (nội thánh), bên ngoài có tài năng, sự nghiệp của bậc vương giả (ngoại vương) vậy. Tóm lại, Kim Man Jung không chỉ xây dựng một cõi mơ đầy huyền hoặc, hư ảo mà còn

muốn thể hiện khát vọng về một xã hội thái bình, thịnh trị mà thực tại rối ren có thể chưa đạt được.

Tuy vậy, chữ Lễ không chỉ được thể hiện ở góc độ của Dương Thiệu Du mà cả trong cách cung cách ứng xử của Thiên tử cũng phản ánh tư tưởng trọng Lễ. Nguyên tắc nền tảng của một vị vua, theo quan niệm của Nho giáo là lấy Lễ trị quốc. Theo đó, họ phải vì chính dĩ đức tức là cai trị bằng đức hạnh, không phải thông qua hình phạt hay mệnh lệnh ép buộc. Ngoài ra, vua cũng phải tuân theo nguyên tắc quân sử thần dĩ lễ – đối xử với bề tôi bằng Lễ, tôn trọng và đúng mực.

Trong mối quan hệ với Dương Thiệu Du, Thiên tử cũng hành xử theo đúng Lễ. Đầu tiên, người biết trọng dụng hiền tài, bổ nhiệm đúng người, đúng chỗ. Dương Thiệu Du được vua tin tưởng ban cho việc thảo chiếu dụ và cho một đạo quân để báo đền ơn nước. Ngoài ra, biểu hiện của Lễ trong hình tượng nhân vật Thiên tử là người thường phạt rất phân minh. Khi chàng dẹp loạn quân Thổ Phiên, “Thiên tử khen là có tâm lòng cao đẹp rồi hạ chiếu phong cho Dương Thiệu Du làm Đại thừa tướng” (Kim Man Jung, 2022, tr. 192) và thưởng cho nhiều kì trân dị bảo. Như vậy, Thiên tử không chỉ là người ban hành luật lệ mà còn là tấm gương thực hành Lễ giáo, tạo ra một mối quan hệ hài hòa giữa quân và thần, từ đó góp phần thể hiện khát vọng của các trí thức Nho học. Bởi lẽ, một vị vua biết nghe lời can gián, biết trọng văn chương là hình mẫu lí tưởng mà thực tại xã hội thường thiếu vắng.

Trong ứng xử với kẻ sĩ khác, Dương Thiệu Du cũng giữ Lễ Nghĩa. Thứ nhất, chàng hết mực khiêm tốn. Khi vào thành Lạc Dương, gặp các công tử trong thành thì chàng tự nhận “tiểu đệ đây là kẻ sĩ hèn mọn của nước Sở, tuổi ít trí nông, tuy may mắn đã là Hương công nhưng tham dự hội lớn của các huynh thì tự cảm thấy còn thấp kém lắm” (Kim Man Jung,

2022, tr. 44). Thậm chí, khi Dịch Kinh Hồng (nữ cải nam trang) bỏ trốn vì bị Thiệu Du bắt gặp đang nắm tay Thiềm Nguyệt cười đùa, chàng liền oán thán: “Ngày xưa, Sở Trang Vương đứt dải mũ che tội cho bề tôi, còn ta thì điều tra kỹ chuyện ám muội mà để mắt kẻ sĩ tốt, tự trách mình sao kíp” (Kim Man Jung, 2022, tr. 107). Trong trường hợp này, rõ ràng chàng đã xem trọng tri kỉ “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” hơn chuyện nam nữ thường tình. Đây cũng chính là một điểm quan trọng trong tư tưởng trọng Lễ của Dương Thiệu Du. Vì vậy, việc “tự trách mình” cũng khẳng định cách nghĩ của một Nho gia theo chuẩn mực.

Tự trung, Lễ vận hành như một hệ thống hài hòa trong mối quan hệ quân – thần. Đó chính là khát vọng của Kim Man Jung về một triều đại lí tưởng. Tuy nhiên, chính sự hoàn hảo và viên mãn của trật tự Lễ này lại làm nổi bật giới hạn nội tại: khi đạt đến đỉnh cao, nhân vật bắt đầu cảm nhận sự trống rỗng, nhàm chán. Điều này mở đường cho sự khủng hoảng sâu sắc hơn khi Lễ đối diện với Tình và Tính Không ở phần tiếp theo.

4.3.3. Giới hạn và sự khủng hoảng của phạm trù Lễ

4.3.3.1. Mâu thuẫn giữa Lễ và Tình

Xung đột giữa Lễ và Tình trong *Giác mơ chín tầng mây* không chỉ là sự vi phạm các quy tắc đạo đức mà còn hé lộ giới hạn của Lễ trong việc đáp ứng toàn bộ nhu cầu tinh thần cá nhân. Trước khi bước vào giấc mộng Lễ Nho, nhân vật Tính Chân đã gặp phải xung đột căn bản giữa khát vọng tự nhiên của bản ngã (Tình/Dục) với Giới luật nhà Phật và Lễ giáo nhà Nho. Sự xung đột này làm rạn nứt tính toàn vẹn của “giác mộng” và hé lộ sự bất lực của Lễ trong việc thỏa mãn toàn bộ thể giới tinh thần. Chàng không chỉ uống loại rượu “làm cho tâm của con người ổn định” (Kim Man Jung, 2022, tr. 13) mà còn cởi áo cà sa, bẻ một cành hoa

đào ném tới trước mặt các tiên nữ. Thậm chí, chàng còn có dự vọng “khoác áo cẩm bào vào người” (Kim Man Jung, 2022, tr. 17) để trở thành bậc trượng phu nhập thế. Chỉ trong một chương đầu tiên, Tính Chân hiện lên với những dự vọng tình ái bình thường – không tuân thủ theo Lễ của Nho gia lẫn Giới của Phật tử. Những mong muốn “ra giúp đời làm tướng soái ba quân, vào triều thì đứng đầu bách quan” (Kim Man Jung, 2022, tr. 17), về bản chất, chính là ước mơ sâu thẳm của một con người muốn chứng minh giá trị bản thân. Nếu Nho giáo yêu cầu con người phải khắc kỉ phục lễ – khiến con người cá nhân hòa nhập vào khối đại đồng thể để thực hiện đúng Lễ giáo thì Phật giáo lại hướng đến vô ngã – không còn sự xuất hiện của cái tôi nữa. Mở đầu tác phẩm, Tính Chân vi phạm Giới của Phật giáo để đi tìm cái Danh, Lợi, Tình của thế gian. Khi đã ở trong thế gian, Dương Thiệu Du lại dùng Lễ để duy trì trật tự trong các mối quan hệ. Sự khủng hoảng ở cuối truyện là khi Lễ cũng không còn giữ chân được nhân vật trước tiếng gọi của Không.

Mặc dù là một Nho gia với hành trình lập thân điển hình, song Dương Thiệu Du vẫn hiện lên với một chữ Tình sâu sắc. Thế giới của chữ Lễ bao giờ cũng bị tác động mạnh mẽ bởi chữ Tình. Có thể nói, chính việc cố gắng cân bằng giữa Lễ (trách nhiệm với vua, mẹ, vợ chính) và Tình (khát vọng tình ái) đã khiến Thiệu Du luôn ở trong trạng thái vận động không ngừng. Chàng phải dùng tài năng và mưu mẹo để sắp xếp sao cho Lễ không bị tổn thương mà Tình vẫn viên mãn. Do vậy, sự đấu tranh giữa Lễ và Tình diễn ra trong tác phẩm như lẽ hiển nhiên. Rõ ràng, Lễ chỉ là lớp vỏ tạm thời cho khát vọng bản ngã. Để tuân theo Lễ, quân tử phải thực hiện đúng nguyên tắc “Nam nữ thụ thụ bất tương thân”. Yếu tố này nhấn mạnh việc giữ khoảng cách lễ nghi trong giao tiếp để duy trì trật

tự và sự tôn trọng, chứ không phải là cấm đoán tuyệt đối việc tiếp xúc. Tuy vậy, Dương Thiệu Du dường như đã phá bỏ nguyên tắc ấy. Trong tác phẩm, những lần hợp cần của Thiệu Du và vợ mình xuất hiện khi họ vẫn chưa chính thức là phu thê trên danh nghĩa. Điều đó có nghĩa là các nhân vật không nhất nhất tuân thủ theo Lễ một cách máy móc mà họ đã vượt lên trên để khẳng định chữ Tình. Việc tác giả mô tả trực tiếp các cảnh ái ân là một sự giải phóng con người cá nhân khỏi thiết chế kiểm tỏa của lễ nghi. Ở đây, Tình không đối lập với Lễ mà đóng vai trò là chất liệu khiến giấc mộng trở nên sống động, vượt qua tính khuôn mẫu xơ cứng của Nho giáo.

Tình không đối lập với Lễ mà là yếu tố khiến Lễ linh hoạt hơn. Trong tác phẩm, có hai lần nhân vật cải trang, lần đầu tiên là Dương Thiệu Du nam cải nữ trang để diện kiến dung nhan Trịnh Quỳnh Bôi. Lần thứ hai là khi Dịch Kinh Hồng giả trai để tìm kiếm ý trung nhân. Trong trường hợp này, người quân tử không giữ được phong thái nghiêm trang như lời dạy “Quân tử bất trọng tác bất uy” (Người quân tử không trang trọng thì không có uy nghiêm) (Lý Minh Tuấn, 2010, tr. 19). Về phía nhân vật nữ, họ cũng không tuân thủ nguyên tắc “xuất giá tòng phu” và thực hiện đúng tứ đức – công, dung, ngôn, hạnh theo cách nhìn truyền thống. Thậm chí, đến Thái hậu và Thiên tử cũng không giữ chữ Lễ khi họ tha thứ cho Thiệu Du, phạt rượu chén vàng khi chàng nói về các tì thiếp. Tóm lại, chữ Lễ trong *Giấc mơ chín tầng mây* luôn được đặt thấp hơn so với chữ Tình.

Ngay trong bản thân chữ Lễ đã có những mâu thuẫn nội tại. Khi làm lễ nạp Trịnh Quỳnh Bôi làm thê, Giả Xuân Vân làm thiếp, Dương Thiệu Du đã tuân thủ theo Lễ trong mối quan hệ vợ – chồng. Song, khi bị đặt vào mối quan hệ với Tiêu Hòa, chàng lại phải tuân theo Lễ trong mối quan hệ vua – tôi, tức là không

được làm trái với hôn ước mà Thiên tử đã ban. Như vậy, ngay trong chính chữ Lễ đã nảy sinh những mâu thuẫn buộc người ta phải tìm cách giải quyết. Chính Dương Thiệu Du thừa nhận “tình lý của thần khác với người khác” (Kim Man Jung, 2022, tr. 127). “Tình lý” ở đây là sự dung hòa giữa cái Lí (đạo đức khách quan) và cái Tình (cảm xúc chủ quan). Vì chữ Tình mà Dương Thiệu Du đắc tội Thái hậu và dẫn đến tình huống phản kháng Lễ. Về bản chất, *Giấc mơ chín tảng mây* là tác phẩm thể hiện sâu sắc chữ Tình của cõi trần thế – trong đó không chỉ bao hàm tình cảm nam nữ mà còn là phạm trù tài tình, tình quân thần, tình phụ tử, tình tri âm tri kỉ... Cái “tình lý” của Dương Thiệu Du là yếu tố cốt lõi tạo nên toàn bộ câu chuyện. Vì thế, sự vi phạm Lễ thường không dẫn đến trạng huống hỗn loạn mà là động lực để Lễ tự điều chỉnh và tìm ra giải pháp linh hoạt hơn. Điều này cho thấy Lễ không hoàn toàn cứng nhắc mà có tính dung hợp. Sự khủng hoảng thực sự chỉ xảy ra khi đối mặt với Không – thứ mà Lễ không thể dung hợp hay điều chỉnh được. Tự trung, mâu thuẫn nội tại trong chính Lễ mới là nút thắt thực sự và nó chỉ được giải quyết khi “tình lý” dung hòa.

Như vậy, mâu thuẫn giữa Lễ và Tình làm cho giấc mộng trở nên sống động và phức tạp. Tuy nhiên, nó không đủ sức đánh thức Dương Thiệu Du khỏi giấc mộng. Lễ cố gắng xây dựng một trật tự vĩnh cửu, bất biến (danh phận, địa vị, quan hệ), nhưng lại tồn tại trong một thế giới tuân theo quy luật vô thường, duyên khởi và Tính Không (Śūnyatā) của Phật giáo. Sự đối đầu này dẫn đến sự sụp đổ hoàn toàn của toàn bộ giấc mộng mà chúng tôi sẽ phân tích ở phần sau.

4.3.3.2. Mâu thuẫn giữa Lễ và Không

Trước nhất, Dương Thiệu Du cảm nhận sự trống rỗng ngay trong chính cuộc sống hoàn hảo mà Lễ mang lại. Suốt cuộc đời trần tục, chàng đã tuân thủ

theo Lễ và thực hiện đúng theo tiêu chuẩn của một nhà Nho. Tuy nhiên, chính sự hoàn hảo ấy lại khiến nhân vật giác ngộ. Ở đây, khái niệm “Không” (Śūnyatā) được sử dụng như một nguyên lý phân tích. Nó vừa là cơ chế làm lộ tính quy ước của Lễ, song cũng là điểm vượt trong kết cấu mộng – giác.

Trong chính khuôn khổ của Lễ, Dương Thiệu Du đã cảm nhận được sự rỗng không tuyệt đối của đời người. Cảm giác trống rỗng này không đơn thuần là tâm trạng chán chường mà thực chất là biểu hiện của nguyên lý Không: mọi thành tựu của Lễ (danh phận, tài sản, gia đình) đều không có tính bền vững – chúng chỉ tồn tại nhờ duyên khởi. Khi duyên tán, chúng cũng tan biến theo. Về bản chất, toàn bộ những gì có ở trần thế đều là một giấc mộng, kể cả danh xưng Dương Thiệu Du. Xây dựng một tiểu thuyết mộng du, Kim Man Jung muốn khẳng định tính chất vô thường của cõi Ta bà. Đến cuối cùng, dục vọng, tình ái, những hi vọng ái ô, những thành bại đều chỉ là một đại mộng của đời người. Vì thế, cuối tác phẩm, Dương Thiệu Du đã nhận chân được tính chất vô thường và bản chất Không của lẽ đời. Cuộc đời của chàng Thiệu Du hoàn hảo và đẹp đẽ hết như một giấc mộng của bao con người trần thế. Tuy vậy, trong chính những giây phút hân hưởng lạc thú của đời người, chàng lại “cầm tiêu ngọc thổi lên mấy tiếng nước nỏ, nghe như ai oán, thỉnh cầu, như suy nghĩ, thở than” (Kim Man Jung, 2022, tr. 262). Rồi sau, chàng nhận ra rằng duyên hết thì ai về đường nấy. Điều này thể hiện học thuyết duyên khởi của Phật giáo: Lễ chỉ có giá trị trong mối quan hệ phụ thuộc với Tình và Không, tự thân nó chẳng phải là thực thể tuyệt đối. Vì thế, Không (Śūnya) không phá hủy Lễ mà làm lộ ra bản chất quy ước của nó.

Đây chính là sự giác ngộ của nhân vật chính – khi nhận biết tất cả chỉ là một giấc mộng lớn lao rồi sẽ tan biến. Nhân vật

hiểu rõ sự suy tàn của thời gian và cái chết hiển nhiên phải đến. Dù gia đình đông vui, quyền lực tốt đỉnh, con người vẫn không tránh khỏi những thoáng suy về sự phai tàn. Khoảnh khắc này cho thấy tri giác về “Không” (sự không có tự tính, sự biến đổi) đã xuyên thấu “cái thực” của Lễ. Vì thế, giác mộng tan vỡ chính là một ẩn dụ về Tính Không. Mọi công danh, tình ái, gia đình, xã hội mà Lễ dày công kiến tạo đều không có thực thể độc lập, bền vững mà chỉ tồn tại trong sự phụ thuộc lẫn nhau. Như vậy, Lễ kiến tạo một thế giới có trật tự, nhưng thế giới ấy tồn tại trong thế giới mộng. Khi nhân vật tỉnh giấc, cái chàng thấy đầu tiên là Tính Không của vạn pháp. Tỉnh giấc không phải chối bỏ Lễ mà là để thấy Lễ tồn tại trong khối duyên khởi.

Tóm lại, toàn bộ hành trình từ Dương Thiều Du đến Tính Chân là hành trình từ mê (coi Lễ là thực tại bất biến) sang ngộ (thấy Lễ là duyên khởi, vô thường). Ở đó, chàng nhận ra rằng Lễ, dù đẹp đẽ và cần thiết cho thế tục vẫn chỉ nằm trong vòng luân hồi. Do vậy, Không không phá hủy Lễ mà giúp nhìn thấu bản chất huyền hóa của nó, từ đó giải phóng bản ngã khỏi sự trói buộc vào trật tự ấy. Giây phút giác ngộ xuất hiện khi Thừa tướng Dương Thiều Du nhìn kỹ thấy một người quen thuộc. Đó là Sư tăng “ngồi ở pháp tọa luận giảng kinh văn” (Kim Man Jung, 2022, tr. 266). Rồi chàng trở lại thành “một tiểu hòa thượng” với thân hình Tính Chân ở đạo tràng Liên Hoa.

Đặc biệt hơn, Không cũng chính là yếu tố góp phần khẳng định sự hợp nhất của thế giới mộng và thực trong tác phẩm. Ở đoạn kết, khi Tính Chân tạ lỗi sự phụ vì hành động phạm giới của mình, Lục Quán đại sư không khiển trách mà chỉ dạy: “Con cao hứng lên thì đi, hết hứng lại về, ta có can dự gì vào chuyện đó” (Kim Man Jung, 2022, tr. 268). Bởi lẽ, “Tính Chân và Thiều Du, thì ai là giác mộng, ai không phải giác mộng?” (Kim

Man Jung, 2022, tr. 268–269). Ở đây, Kim Man Jung khẳng định cõi mộng và thực không có sự phân biệt rạch ròi. Xét đến cùng, chúng vốn dĩ là một bởi đều không có điều gì mang thuộc tính vĩnh cửu. Có thể nói, hai thế giới (thực và mộng), hai thân phận (Dương Thiều Du và Tính Chân), hai hệ giá trị (Lễ và Không) hợp nhất dưới quy luật của Tính Không – cùng chuyển động để tạo nên sự sống trong tác phẩm.

Ba phạm trù Lễ, Tình và Không không đối lập, mâu thuẫn theo nghĩa thông thường. Lễ và Tình là nội dung của giác mộng, còn Không là bản chất của việc tỉnh giấc. Lễ – Tình – Không, hiện hữu trong cùng một khối thống nhất. Vì thế, đại sư mới nhắc đến tích Trang Chu mộng hồ điệp, rằng: “Ai biết được chuyện nào là mơ chuyện nào là thực” (Kim Man Jung, 2022, tr. 269). Ở đây, không có sự phân biệt giữa các phạm trù và góc nhìn bởi lễ tất cả quy vào một mối vạn pháp giai không. Xét đến cùng, giác ngộ là khi nhân vật nhận chân được các giá trị và quy về mối chân như.

5. Kết luận

Nhóm tác giả đã đặt phạm trù Lễ làm trục phân tích xuyên suốt để lí giải *Giấc mơ chín tầng mây*. Kết quả nghiên cứu cho thấy tác phẩm không chỉ đơn thuần tôn vinh lí tưởng Nho giáo mà còn đối thoại với chính mô hình Lễ trị. Điều này được thể hiện qua ba điểm chính. Thứ nhất, Lễ kiến tạo một trật tự gia đình và xã hội lí tưởng, được biểu hiện qua hình tượng nhân vật Dương Thiều Du viên mãn trên con đường nhập thế. Thứ hai, Lễ gặp phải xung đột với Tình (khát vọng cá nhân) và Dục (dục vọng trần thế). Tuy nhiên, Lễ không bị hủy diệt mà biến chuyển linh hoạt để thỏa mãn Tình. Thứ ba, giới hạn thực sự của Lễ được phơi bày khi đối diện với Không. Sự tỉnh giấc của Dương Thiều Du (trở lại làm Tính Chân) chính là khoảnh khắc nhận ra bản chất hư ảo của toàn bộ giác mộng

mà Lễ dựng nên.

So với các nghiên cứu trước đây thường tập trung vào khía cạnh Phật giáo hoặc cấu trúc tự sự của *Giấc mơ chín tầng mây*, bài viết này có hai đóng góp chính. Về mặt lí thuyết, chúng tôi đã chuẩn hóa khái niệm Lễ trên ba bình diện (nghĩ lễ, nguyên tắc đạo đức, trật tự xã hội) và vận dụng Không (śūnyatā) như một nguyên lí phân tích, qua đó làm rõ sự tác động của Phật giáo đối với các giá trị Nho học trong tác phẩm. Về mặt phân tích văn bản, chúng tôi đã chỉ ra mối quan hệ tương tác giữa ba hệ giá trị Lễ – Tình – Không thay vì chỉ đọc tác phẩm dưới một lăng kính cô định. Điều này góp phần lí giải vì sao

Giấc mơ chín tầng mây vừa là một tiểu thuyết nhập thể đậm chất Nho gia vừa mang tinh thần xuất thế của Phật giáo.

Từ những phát hiện trên, chúng tôi cũng gợi mở một số hướng nghiên cứu về tác phẩm này như sau: (1) Nghiên cứu so sánh cấu trúc Lễ – Tình – Không trong *Giấc mơ chín tầng mây* với các tiểu thuyết mộng du khác của văn học Đông Á (ví dụ như Hồng Lâu Mộng) để thấy điểm tương đồng và dị biệt của hai nền văn học; (2) Nghiên cứu bối cảnh – lấy triều đại Joseon để soi chiếu sự ảnh hưởng của Nho – Phật – Đạo cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc tìm hiểu văn bản tác phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chang, S. Y. (1981). The Structure of the *Kuun mong* [A Dream of Nine Clouds]. *Korean Studies*, 5, 27–41.
- Cho, F. (1996). *Embracing Illusion: Truth and Fiction in The Dream of the Nine Clouds*. SUNY Press.
- Choi, Y. H. (2013). The Comparative Research on *The Cloud Dream of the Nine* and *Journey to the West*. *Journal of Korean Literature*, (28), 85–108.
- Dương Hồng, Vương Thành Trung, Nhiệm Đại Viện & Lưu Phong (Chú dịch). (2003). *Tứ thư* (Trần Trọng Sâm & Kiều Bách Vũ Thuận biên dịch). Nxb Quân đội nhân dân.
- Hoang Phong. (2013). *Khái niệm tánh không trong Phật giáo*. Nxb Hồng Đức.
- Hoàng Thị Thơ & Trần Thị Thúy Ngọc. (2023). Một số vấn đề cơ bản của triết học Phật giáo. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 8(234), 20–35.
- Jung, C. (2024). The Research on the Relationship between the 8 Articles of ‘Daehak’ and the 8 Celestial Women. *The Research of the Korean Classic*, 64(29), 221–259.
- Khổng Tử. (1999). *Kinh Lễ* (Nguyễn Tôn Nhan, Biên dịch & Chú giải). Nxb Văn học.
- Kim, B. K. (2023). A Study on the Semantic Structure of <Guunmong (九雲夢)>. *The Research of the Korean Classic*, 117, 65–112.
- Kim Man Jung. (2022). *Giấc mơ chín tầng mây* (Jeon Hye Kyung & Lý Xuân Chung, dịch). Nxb Trẻ.
- Lee, J. G. (2023). A Interdisciplinary Research on Guunmong that Revives a Transcendent and Peaceful King’s Heart. *Journal of International Culture*, 16(2), 121–153.
- Lee, K. O. (2009). A Study on the Dream Experience and Theme of *Kuwoonmong*. *The Research of Old Korean Novel*, 28, 105–145.
- Lee, S. Y. (2020). Rethinking the Author and Original of *Kuunmong* (九雲夢, The Nine Cloud Dream). *The Dong Bang Hak Chi*, 190, 357–393.
- Lý Minh Tuấn. (2010). *Tứ thư bình giải*. Nxb Tôn giáo.
- Nguyễn Tiến Nghi. (2015). Triết lý “tính không” trong triết học Phật giáo. *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, (6). <https://phatgiao.org.vn/triet-ly-tinh-khong-trong-triet-hoc-phat-giao-d20433.html>.

- Seol, S. G. (2002). The Theme of *Gunmong* and the Implications of Its Title. *Journal of Koreanology*, 1920, 143–165.
- Shin, C. (2022). The Language and Style of *The Nine Cloud Dream* (Kuunmong). *Journal of Korean Studies*, 87, 5–43.
- Spencer, S. (2023). An Impossible Dream and Nightly Quests: The Quixotic Impulse in Kim Man-jung's *Kuunmong* and Nguyễn Du's *Truyện Kiều*. *Studies in Religion and the Enlightenment*, 3(1), 41–52.
- Thiều Chửu. (2024). *Hán Việt tự điển*. NXB Dân trí.
- Trần Đình Hượu & Lại Nguyên Ân (Biên soạn). (2020). *Các bài giảng về tư tưởng phương Đông*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

RITE IN THE CLOUD DREAM OF THE NINE BY KIM MAN JUNG

Le Phuoc Nhu Dang

Nguyen Ngoc Thao Uyen

Nguyen Thi Ha An

Ho Chi Minh University of Education

*Corresponding author: Le Phuoc Nhu Dang – Email: lephuocnhudang0202@gmail.com

(Received: 24/3/2026, Revised: 20/4/2026, Accepted for publication: 23/4/2026)

ABSTRACT

The concept of Rite is a central category in Confucianism and has exerted a profound influence on East Asian literature from the medieval to the early modern period. This study investigates the role of Rite in “The Cloud Dream of the Nine” by Kim Man Jung, focusing on two primary functions: (1) Rite as the principle that constitutes the dream world, and (2) Rite as an object that is challenged and critically examined in the process of enlightenment. Accordingly, the article demonstrates how Kim Man Jung employs Rite to establish familial and social order, while shaping the protagonist, Dương Thiệu Du, into an ideal Confucian scholar embodying a model of worldly engagement. However, the very perfection – yet relative rigidity – of Rite reveals its internal contradictions when confronted with individual desires (emotion and desire) and the Buddhist philosophy of emptiness (Śūnyatā). In this sense, the dream-awakening structure serves as a metaphor for the transition from “delusion” (belief in the substantial reality of Rite) to “enlightenment” (realization of the nature of emptiness). Thus, this study contributes to elucidating the philosophical depth of “The Cloud Dream of the Nine”, while also explaining its enduring appeal in Korean literature and the broader context of East Asian literary traditions.

Keywords: *The Cloud Dream of the Nine; Kim Man Jung; Rite; Confucianism*